TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẨM PHẢ** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2018/HNGĐ-ST
Ngày 28/11/2018
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con sau khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ - TỈNH QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quýnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Mai Tường Vi và ông Nguyễn Văn Hạ

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Kim Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả tham gia phiên tòa*:** Bà Dương Thị Bích Hạnh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 11 năm 2018, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 404/2018/ TLST – HNGĐ ngày 04/10/2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con sau khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 12/11/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Ngọc G, sinh năm: xxxx; ĐKHKTT tại: Xóm M, thôn H, xã C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh – Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Chị Vũ Thị Tiền V, sinh năm: xxxx; ĐKHKTT tại: Xóm M, thôn H, xã C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh – Vắng mặt, có đơn xin xử án vắng tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/9/2018, lời tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Trần Ngọc G đều trình bày: Anh và chị Vũ Thị Tiền V kết hôn vào năm 2010 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã C, trước khi kết hôn có thời gian tìm hiểu nhau 01 năm. Sau khi kết hôn vợ chồng anh về sống cùng với bố mẹ anh tại thôn H, xã C, thành phố C. Cuộc sống chung của vợ chồng anh sau khi kết hôn chỉ hạnh phúc đến năm 2012 thì đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên là do khi về chung sống cả hai anh chị đều không có việc làm ổn định, cuộc sống chung phụ thuộc hoàn toàn vào gia đình nhà nội nên chị V coi thường anh cho rằng anh không lo được cho gia đình và thường xuyên trách

móc khiến vợ chồng cãi nhau. Mặt khác, tính cách của hai vợ chồng anh cũng không hợp nhau nên thường bất đồng quan điểm, ngay cả việc đặt tên cho con cũng dẫn đến cãi nhau, vợ chồng anh không bàn được việc gì đi đến thống nhất nên không khí gia đình luôn căng thẳng. Sau này chị V lấy cớ phải đi làm xa để kiếm tiền nuôi con nên khi con chung chỉ được 6 tháng tuổi chị V đã bỏ con để đi lao động tại Ăng gô la mặc dù anh không đồng ý. Quá trình đi lao động chị V cắt đứt mọi liên lạc với gia đình cũng không gửi tiền về để nuôi con, sau này anh phát hiện chị V có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác nên không còn tin tưởng vào tình cảm của chị V dành cho anh. Khi chị V hết hạn hợp đồng lao động trở về nước, chị V thừa nhận với anh đã có con riêng với người đàn ông khác thì anh đã muốn ly hôn với chị V nhưng vì thương con còn nhỏ, muốn con chung được chị V chăm sóc nhiều hơn nên anh đã bỏ qua cho chị V, vợ chồng tiếp tục chung sống với nhau được thêm vài tháng thì mâu thuẫn vợ chồng lại tiếp tục xảy ra. Chị V thay đổi thái độ, thường kiếm cớ gây sự với anh rồi lấy lý do phải về nhà ngoại ở huyện Đ, tỉnh Phú Thọ chăm sóc con riêng rồi để con chung lại cho anh nuôi dưỡng nên từ năm 2016 vợ chồng anh chính thức sống ly thân nhau, chị V chỉ thỉnh thoảng ra thăm con rồi lại về, anh chị không tìm biện pháp để hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng nữa. Gia đình hai bên có hòa giải hàn gắn cho vợ chồng anh nhưng cũng không đạt kết quả, đến nay mâu thuẫn vợ chồng anh đã rất trầm trọng, tình cảm của anh dành cho chị V không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị V.

+ Về con chung: Anh và chị Vũ Thị Tiền V có 01 con chung là Trần Vũ Hoàng A, sinh ngày xx/x/xxxx, vì con chung là con trai, anh đã nuôi dưỡng con từ nhỏ đến nay con chung cũng có nguyện vọng muốn ở cùng với anh nên khi vợ chồng ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được nuôi dưỡng con chung, anh không yêu cầu chị V cấp dưỡng cho con. Hiện nay anh làm công nhân tại Công ty T, nhiệt điện Mông Dương II, thu nhập bình quân là 6 triệu đồng một tháng, đủ đảm bảo các điều kiện để nuôi dưỡng con chung.

+ Về tài sản chung: Anh và chị V không có tài sản chung; Công nợ chung: Không có.

* Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng chị Vũ Thị Tiền V không đến Tòa để giải quyết, Tòa án C đã có quyết định ủy thác thu thập chứng cứ cho Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Kết quả thu thập chứng cư thể hiện tại Biên bản lấy lời khai và đơn xin xử án vắng mặt của chị Vũ Thị Tiền V như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian, điều kiện và hoàn cảnh kết hôn của vợ chồng chị đúng như anh G đã trình bày ở trên. Sau khi kết hôn vợ chồng chị về chung sống cùng bố mẹ chồng tại xã C, quá trình chung sống vợ chồng chị hòa thuận đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân nhau cho đến nay, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ

chồng chị đã được gia đình, khu phố hòa giải nhưng không đạt kết quả, đến nay chị không còn tình cảm dành cho anh G nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh G.

+ Về con chung: Vợ chồng chị có một con chung đúng như anh G đã trình bày ở trên, từ khi vợ chồng sống ly thân con chung đã ở cùng với anh G. Quan điểm của chị khi vợ chồng ly hôn chị đồng ý để anh G là người nuôi dưỡng con chung, chị không phải cấp dưỡng cho con.

+ Về tài sản và công nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C có ý kiến cho rằng Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quan hệ tranh chấp và áp dụng các quy định của pháp luật giải quyết vụ án chính xác. Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C nhận thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Trần Ngọc G yêu cầu xin ly hôn với chị Vũ Thị Tiền V hiện cư trú tại địa bàn thành phố C nên Tòa án nhân dân thành phố C thụ lý giải quyết với quan hệ pháp luật "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" là đúng quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa anh Trần Ngọc G và chị Vũ Thị Tiền V là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, thành phố C vào năm 2010. Cuộc sống chung của anh chị bình thường được một thời gian ngắn thì đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách của anh chị không hợp nhau, không bàn bạc được việc gì đi đến thống nhất, sau đó theo anh G trình bày là do chị V có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác dẫn đến có con riêng nên anh G không thể thông cảm và không còn tin tưởng vào tình cảm của chị V anh chị đã sống ly thân nhau, chị V về quê ở cùng gia đình nhà ngoại tại đội M, xã N, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ, anh V và con vẫn ở tại nhà cũ. Mâu thuẫn của anh chị đã được gia đình và khu phố hòa giải nhưng không đạt kết quả, sự tin tưởng dành cho nhau không còn, quá trình sống ly thân anh chị cũng không gặp nhau để bàn bạc khắc phục tình cảm vợ chồng, chứng tỏ tình trạng mâu thuẫn của anh chị đã rất trầm trọng.

Lời khai của anh G và chị V về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn cũng phù hợp với: Kết quả thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân của anh chị tại nơi cư trú và lời khai của con chung anh chị. Căn cứ quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh G và chị V đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh G đối với chị V.

+ Về con chung: Anh Trần Ngọc G và chị Vũ Thị Tiền V có một con chung là Trần Vũ Hoàng A, sinh ngày xx/x/xxxx. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh G đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và đều không yêu cầu chị V cấp dưỡng cho con. Chị V cũng có quan điểm để anh G là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung cho đến tuổi thành niên, quan điểm của anh chị cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Trần Vũ Hoàng A là có nguyện vọng "được ở cùng với bố và ông bà nội" khi bố mẹ ly hôn.

Căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Hội đồng xét xử thấy cần thiết giao con chung là Trần Vũ Hoàng A cho anh G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) là phù hợp với nguyện vọng của con, khả năng nuôi dưỡng con chung của anh G, cũng như đảm bảo được các điều kiện tốt nhất cho sự phát triển về thể chất, tinh thần, việc học tập, môi trường sống ổn định của các con chung của anh chị.

Do anh G không yêu cầu chị V cấp dưỡng cho con nên chị V không phải cấp dưỡng cho con chung, chị V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

+ Về tài sản và công nợ chung: Không có.

[3] Về án phí: Anh Trần Ngọc G phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56**,** 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngµy 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Trần Ngọc G và chị Vũ Thị Tiền V.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Vũ Hoàng A, sinh ngày xx/x/xxxx cho anh Trần Ngọc G có quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Vũ Thị Tiền V không

phải cấp dưỡng cho con chung và có quyền, nghĩa vô thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Trần Ngọc G phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh G đã nộp theo biên lai số: 000xxxx tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố C.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho biết: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Quảng Ninh;*
- *VKSND thành phố C;*
- *Chi cục THADS thành phố C;*
- *UBND xã C;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HSVA – VP.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)
Nguyễn Thị Quýnh